

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày: 03/5/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhã Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018 về “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-DS ngày 04/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Mạnh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Phan Thị L, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: 259 N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khối B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Ngọc T: Bà Ngô Thị L (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Tuyết T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Phan Thị L, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: 259 N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/4/2018 của nguyên đơn ông Đỗ Mạnh T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 13/7/2017 bà Ngô Thị L và ông Huỳnh Ngọc T có vay của ông Đỗ Mạnh T, bà Phan Thị Tuyết T số tiền là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng). Khi vay có lập giấy viết tay hẹn đến ngày 28/7/2017 sẽ trả, không thỏa thuận lãi suất và ông T, bà L có ký xác nhận vào giấy viết tay. Đến hạn trả nợ, ông T và bà T đã nhiều lần yêu cầu bà L, ông T trả nợ nhưng bà L, ông T không trả.

Nguyên vọng: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết buộc bà Ngô Thị L và ông Huỳnh Ngọc T phải trả cho ông Đỗ Mạnh T, bà Phan Thị Tuyết T số tiền nợ là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh tạm tính từ ngày 28/7/2017 đến ngày xét xử ngày 03/5/2019 là 1%/tháng.

Việc bà L cho rằng khoản tiền nợ xuất phát từ việc mua bán vật liệu xây dựng và ông T lấy sắt của bà L, ông T là không đúng.

- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Thị L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Ngọc T trình bày:

Vào ngày 13/7/2017, tôi và chồng tôi có ký xác nhận nợ ông T, bà T 36.000.000đ tiền mua gạch, sắt, xi măng, cát nhưng khi vợ chồng tôi chưa có tiền trả thì ông T sai người làm vào nhà tôi khi tôi không có ở nhà và tự ý mở cửa lấy sắt của vợ chồng tôi. Nay ông T khởi kiện vợ chồng tôi thì tôi yêu cầu ông T trả lại số sắt mà ông lấy của vợ chồng tôi hoặc trừ đi giá trị số sắt ông T đã lấy khoảng 10.000.000đ thì vợ chồng tôi sẽ hoàn trả số tiền còn nợ lại cho vợ chồng ông T.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị L giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Mạnh T.

- Buộc bà Ngô Thị L và ông Huỳnh Ngọc T có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Mạnh T và bà Phan Thị Tuyết T số tiền còn nợ là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh tính từ ngày 28/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 03/5/2019 theo quy định của pháp luật là 10%/năm.

- Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Mạnh T yêu cầu bà Ngô Thị L và ông Huỳnh Ngọc T phải trả số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) còn nợ là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 04/4/2019 Toà án mở phiên tòa xét xử vụ kiện, bị đơn ông Huỳnh Ngọc T và bà Ngô Thị L đã được Toà án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Ngô Thị L, ông Huỳnh Ngọc T vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của ông Đỗ Mạnh T yêu cầu bà Ngô Thị L và ông Huỳnh Ngọc T phải trả số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) còn nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giấy xác nhận nợ ngày 13/7/2017 có nội dung xác định bà Ngô Thị L có nợ tiền của vợ chồng ông T, bà T số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng), hẹn đến ngày 28/7/2017 bà L sẽ trả hết tiền cho vợ chồng ông T. Quá trình làm việc, bị đơn thừa nhận chữ ký trong giấy xác nhận nợ ngày 13/7/2017 là do bị đơn ký và viết ra nên có căn cứ xác định việc giao kết hợp đồng giữa ông T và bà L, ông T là có thật. Tuy nhiên, hết thời hạn trả nợ thì bà L, ông T không trả nợ theo yêu cầu của ông T. Như vậy, bà L, ông T đã vi phạm hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280, Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị áp dụng Điều 280, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự buộc ông T, bà L trả số tiền nợ là 36.000.000đ và lãi suất 10%/năm là phù hợp nên cần chấp nhận.

Do đó, việc buộc vợ chồng bà Ngô Thị L, ông Huỳnh Ngọc T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho vợ chồng ông Đỗ Mạnh T, bà Phan Thị Tuyết T số tiền vay còn nợ 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) là phù hợp nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đối với việc vợ chồng bà L, ông T trình bày khoản tiền nợ xuất phát từ việc mua bán vật liệu xây dựng và ông T lấy sắt của bà L, ông T thì quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu bà L, ông T cung cấp tài liệu chứng minh. Tuy nhiên, ông bà không cung cấp được nên tách yêu cầu của bà L, ông T để giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về lãi suất: Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông T yêu cầu mức lãi suất 1%/tháng là không phù hợp nên Hội đồng xét xử xem xét mức lãi suất tính từ ngày 28/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 03/5/2019:

$$36.000.000đ \times (0,83\% : 30 \text{ ngày}) \times 643 \text{ ngày} = 6.404.280đ$$

[4] Về án phí: Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Ngô Thị L, ông Huỳnh Ngọc T phải chịu 2.120.214đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đỗ Mạnh T số tiền 981.000đ (Chín trăm tám một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003417 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 280, Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Mạnh T.

[1] Buộc bà Ngô Thị L và ông Huỳnh Ngọc T có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông Đỗ Mạnh T, bà Phan Thị Tuyết T số tiền 36.000.000đ (Ba Mươi sáu triệu đồng).

[2] Về lãi suất: Buộc bà Ngô Thị L và ông Huỳnh Ngọc T có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông Đỗ Mạnh T, bà Phan Thị Tuyết T số tiền lãi suất phát sinh từ ngày 28/7/2017 đến ngày 03/5/2019 là 6.404.280đ.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Đối với việc vợ chồng bà L, ông T xác định ông T tự ý vào nhà lấy sắt của bà L, ông T khi không có người ở nhà thì quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu bà L, ông T cung cấp tài liệu chứng minh. Tuy nhiên, ông bà không cung cấp được nên tách yêu cầu của bà L, ông T để giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Bà Ngô Thị L, ông Huỳnh Ngọc T phải chịu 2.120.214đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đỗ Mạnh T số tiền 981.000đ (Chín trăm tám một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003417 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Căn cứ Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực

hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện Ea Kar.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhã Phương